

Bản án số: 79/2020/DS-ST

Ngày: 23 – 7 - 2020

V/v: *Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Bích Thuận

2. Bà Lê Thị Phương Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 331/2019/TLST-DS ngày 27/12/2019, về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T – sinh năm 1980 (theo giấy ủy quyền số 1690/2019/UQ-TTT ngày 30/9/2019) (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Khánh A – sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 933/21A đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng), bản tự khai ngày 16/01/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà Nguyễn Bích Thanh T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau: Ông Trần Khánh A có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 29/10/2011 (đề nghị cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ visa credit classic và thẻ MC credit classic) và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S sử dụng vào mục đích

tiêu dùng cá nhân. Căn cứ thu nhập của ông A, ngày 25/11/2011 Ngân hàng đồng ý cấp hai thẻ tín dụng là thẻ visa credit classic mã số 472074-4374 và thẻ MC credit classic mã số 512341-0365 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng cho cả hai thẻ. Theo bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định (theo thông báo về lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011), thời hạn thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày 22 hàng tháng đối với thẻ MC credit classic và kể từ ngày 25 hàng tháng đối với thẻ visa credit classic. Ngân hàng đã phát hành và gửi cho ông A thẻ visa credit classic số 472074 - 4374 và thẻ MC credit classic số 512341 – 0365

Sau khi được cấp thẻ tín dụng nêu trên, ông A đã thực hiện các giao dịch vay tiền của Ngân hàng như sau: đối với thẻ visa credit classic, số thẻ 472074 - 4374 số tiền vay là 22.405.000 đồng và đã thanh toán 24.660.000 đồng (bao gồm nợ lãi là 1.395.979 đồng, nợ gốc là 21.439.021 đồng, phí 1.825.000 đồng). Đối với thẻ MC credit classic số thẻ 512341 – 0365 số tiền vay là 18.500.000 đồng và đã thanh toán 20.025.000 đồng (bao gồm nợ lãi là 2.520.517 đồng, nợ gốc là 14.466.983 đồng, phí 3.037.500 đồng).

Trong quá trình trả nợ, ông A nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 23/10/2014 thì ngưng thanh toán cho đến nay. Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông A không có thiện chí trả nợ. Ngày 23/01/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông A, chuyển toàn bộ nợ dư gốc còn thiếu là 4.033.017 đồng (thẻ MC credit classic) và 966.779 đồng (thẻ visa credit classic) sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 23/7/2020, ông A còn nợ Ngân hàng các khoản sau: đối với thẻ MC credit classic (số thẻ: 512341-0365) ông A còn nợ số tiền là: 12.742.032 đồng (trong đó: nợ gốc là 4.033.017, lãi quá hạn: 8.709.015 đồng). Đối với thẻ Visa credit classic (số thẻ: 472074-4374) ông A còn nợ số tiền là: 3.051.013 đồng (trong đó nợ gốc: 966.779 đồng, lãi quá hạn : 2.084.234 đồng)

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân ông Trần Khánh A trả tổng số tiền vay còn nợ vốn và lãi của cả hai thẻ tính đến ngày 23/7/2020 là 15.793.045đ (Mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi ba ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng), trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn tính từ ngày 24/7/2020 cho đến khi trả hết nợ.

- *Bị đơn Ông Trần Khánh A vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án . Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thì có cơ sở xác định trong quá trình

thực hiện hợp đồng sử dụng hai thẻ tín dụng là thẻ visa credit classic mã số 472074-4374 và thẻ MC credit classic mã số 512341-0365 thì ông A đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông A phải thanh toán số tiền vay còn thiếu phát sinh từ việc sử dụng hai thẻ tín dụng trên với tổng số tiền là: 15.793.045đ (Mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi ba ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng) là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 04/10/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019 trên đơn khởi kiện ghi người bị kiện là ông Trần Khánh A có địa chỉ số: 933/21A đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do ông A không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp (theo kết quả xác minh ngày 19/02/2020 của Công an Phường H, Quận F). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông A trả số tiền vay còn nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 29/10/2011 (đề nghị cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ visa credit classic và thẻ MC credit classic) có ghi địa chỉ của ông A là 933/21A đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông A, nhưng ông A thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông A trả số tiền vay còn thiếu, ông Trần Khánh A có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 933/21A đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Khánh A theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự. Xét ông A là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Khánh A.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 29/10/2011 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/6/2010, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đại diện Ngân hàng đủ cơ sở xác định ngày 29/10/2011 giữa ông Trần Khánh A và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng cấp và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 25/11/2011 Ngân

hàng đã phê duyệt đồng ý cấp hai thẻ tín dụng gồm thẻ visa credit classic số 472074 - 4374 và thẻ MC credit classic số 512341 - 0365 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông A đã thực hiện các giao dịch vay tiền của Ngân hàng, đối với thẻ MC credit classic số thẻ 512341-0365 số tiền vay là 18.500.000 đồng và đã thanh toán 20.025.000 đồng (bao gồm nợ lãi là 2.520.517 đồng, nợ gốc là 14.466.983 đồng, phí 3.037.500 đồng); đối với thẻ thẻ visa credit classic số thẻ 472074-4374 số tiền vay là 22.405.000 đồng và đã thanh toán 24.660.000 đồng (bao gồm nợ lãi là 1.395.979 đồng, nợ gốc là 21.439.021 đồng, phí 1.825.000 đồng). Trong quá trình trả nợ, ông A nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 23/10/2014 cho đến nay thì ông A không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngày 23/01/2015 thì Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông A và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của thẻ MC credit classic số thẻ 512341-0365 với số tiền là: 4.033.017 đồng và thẻ visa credit classic số thẻ 472074-4374 với số tiền là: 966.779 đồng sang nợ quá hạn. .

Như vậy, ông Trần Khánh A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Khánh A phải thanh toán số nợ còn thiếu đối với thẻ MC credit classic số 512341 – 0365 với số tiền là: 12.742.032 đồng (trong đó nợ gốc là: 4.033.017 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/7/2020 là: 8.709.015 đồng) và đối với thẻ visa credit classic số 472074 – 4374 với số tiền là: 3.051.013 đồng (trong đó nợ gốc là: 966.779 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/7/2020 là: 2.084.234 đồng). Tổng cộng là: 15.793.045 (mười lăm triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn không trăm bốn mươi lăm) đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: ông Trần Khánh A phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi của cả hai thẻ tín dụng MC credit classic số 512341 – 0365 và visa credit classic số 472074 – 4374 với tổng số tiền là 15.793.045đ (Mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi ba ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, ông Trần Khánh A còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 29/10/2011 (đề nghị cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ visa credit classic và thẻ MC credit classic) và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày 24/7/2020 đến khi trả hết nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 15.793.045đồng x 5%= 789.652đồng.

Do Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 353.849 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011947 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a

Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc ông Trần Khánh A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vay còn thiếu là: 15.793.045đ (mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi ba ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng) (trong đó: thẻ MC credit classic số 512341–0365 nợ gốc là 4.033.017 đồng và nợ lãi là 8.709.015 đồng; thẻ visa credit classic số 472074–4374 nợ gốc là 966.779 đồng và nợ lãi là 2.084.234đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 29/10/2011 được phê duyệt hạn mức tín dụng ngày 25/11/2011 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày 24/7/2020 ông Trần Khánh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Khánh A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Khánh A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 789.652đ (bảy trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tạm ứng án phí đã nộp là 353.849đ (ba trăm năm mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011947 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Khánh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn